

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(Đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05 - 29
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	09 - 29

PH H
M
T H

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne) là doanh nghiệp được tách ra từ Công ty Cổ phần Tân Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6101177237 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 21 tháng 5 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 5 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại 507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

- | | |
|-----------------------|------------|
| ▪ Ông Phương Thừa Vũ | Chủ tịch |
| ▪ Bà Lê Thị Thu Hương | Thành viên |
| ▪ Ông Trần Văn Hải | Thành viên |
| ▪ Ông Đinh Xuân Hoàng | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

- | | |
|-----------------------|------------------------------------|
| ▪ Ông Đinh Xuân Hoàng | Tổng Giám đốc |
| ▪ Ông Nguyễn Văn Quân | Phó Tổng Giám đốc |
| ▪ Ông Hoàng Hữu Điền | Phó Tổng Giám đốc – Kế toán trưởng |

Ban kiểm soát

- | | |
|-----------------------|------------|
| ▪ Ông Hoàng Minh Sang | Trưởng ban |
| ▪ Bà Lê Thị Hạnh | Thành viên |
| ▪ Bà Phạm Thị Ngân | Thành viên |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận biết trách nhiệm và cam kết về việc tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đình Xuân Hoàng
Tổng Giám đốc

Kon Tum, ngày 30 tháng 3 năm 2024



Số: 13NV2/2024/ASCO/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh được lập ngày 30 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 7 “Phải thu khác”, trong đó thể hiện về việc Công ty đi hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 03/2022/HĐHTĐT/PHG-TTE ngày 06/04/2022 với tỷ lệ phân chia lợi nhuận là 8%/năm dựa trên số tiền thực tế hợp tác và hợp đồng trên đã được gia hạn đến ngày 06/04/2026. Đồng thời, theo Thuyết minh số 14 “Phải trả khác”, Công ty nhận hợp tác đầu tư từ ông Bùi Xuân Huy theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2022/HĐHT/BXH-TTE ngày 06/04/2022 với mức lãi suất cố định là 4%/năm dựa theo vốn góp thực tế.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần với Báo cáo tài chính này theo báo cáo kiểm toán số 282/BCKT/TC/AVA.NV7 ngày 31/03/2023.



Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO

Phạm Ngọc Quân
Phó Tổng Giám đốc
Số giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4493-2024-149-1

Phan Đình Dũng
Kiểm toán viên
Số giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4887-2024-149-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

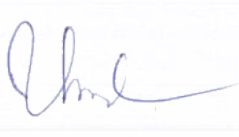
Mã số	TÀI SẢN	TM	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		241.224.459.864	39.927.930.211
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	7.918.260.814	2.060.359.134
111	1. Tiền		7.918.260.814	2.060.359.134
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		233.137.738.050	37.715.421.503
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	9.978.392.054	19.369.072.618
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	916.850.439	898.152.000
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	4.000.000.000	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	218.242.495.557	17.448.196.885
140	IV. Hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		168.461.000	152.149.574
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	168.461.000	152.149.574
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		657.852.179.890	949.315.483.294
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		53.747.965	325.905.747.965
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	53.747.965	325.905.747.965
220	II. Tài sản cố định		242.401.376.433	259.440.814.401
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	242.401.376.433	259.440.814.401
222	Nguyên giá		474.417.372.118	474.417.372.118
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(232.015.995.685)	(214.976.557.717)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	8	412.608.484.070	360.048.104.123
251	1. Đầu tư vào công ty con		234.220.000.000	234.220.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		216.000.000.000	138.600.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(37.611.515.930)	(12.771.895.877)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		2.788.571.422	3.920.816.805
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	2.788.571.422	3.920.816.805
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		899.076.639.754	989.243.413.505

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		622.322.971.778	694.534.622.033
310	I. Nợ ngắn hạn		102.629.404.098	68.006.854.357
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	2.616.455.781	3.036.358.798
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		80.899.560	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	5.346.571.677	7.095.356.494
314	4. Phải trả người lao động		420.595.730	393.791.009
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	8.790.674.335	14.658.473.532
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	17.923.205.479	7.397.260.274
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	67.413.200.000	35.420.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		37.801.536	5.614.250
330	II. Nợ dài hạn		519.693.567.680	626.527.767.676
337	1. Phải trả dài hạn khác	14	176.100.000.000	250.000.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	343.593.567.680	376.527.767.676
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		276.753.667.976	294.708.791.472
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	276.753.667.976	294.708.791.472
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		284.904.000.000	284.904.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		284.904.000.000	284.904.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		32.187.286	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(8.182.519.310)	9.804.791.472
421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		10.032.482.138	9.161.045.751
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		(18.215.001.448)	643.745.721
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		899.076.639.754	989.243.413.505


Đoàn Thị Ngọc Thu
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2024


Hoàng Hữu Điền
Kế toán trưởng


Đinh Xuân Hoàng
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	64.303.216.363	67.817.705.597
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		64.303.216.363	67.817.705.597
11	4. Giá vốn hàng bán	18	24.288.925.376	23.155.409.328
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		40.014.290.987	44.662.296.269
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	27.265.807.665	30.186.053.023
22	7. Chi phí tài chính	20	80.967.235.339	69.296.971.916
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		44.933.870.077	46.862.015.761
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	4.573.382.862	4.581.063.043
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(18.260.519.549)	970.314.333
31	11. Thu nhập khác		200.008.000	6.325.293
32	12. Chi phí khác	22	154.489.899	47.257.646
40	13. Lợi nhuận khác		45.518.101	(40.932.353)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(18.215.001.448)	929.381.980
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	-	285.636.259
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(18.215.001.448)	643.745.721

Đoàn Thị Ngọc Thu
Người lập biểu

Hoàng Hữu Điền
Kế toán trưởng



Đinh Xuân Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(18.215.001.448)	929.381.980
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		17.039.437.968	17.164.896.706
03	- Các khoản dự phòng		24.839.620.053	12.771.895.877
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(27.265.807.665)	(22.788.792.749)
06	- Chi phí lãi vay		44.933.870.077	46.862.015.761
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		41.332.118.985	54.939.397.575
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		76.849.561.535	(274.185.872.300)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(64.353.764.042)	251.651.035.735
11				
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.115.933.957	(2.357.420.668)
14	- Lãi tiền vay đã trả		(50.801.669.274)	(40.927.083.860)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(71.409.064)	(285.636.259)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.070.772.097	(11.165.579.777)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác		-	(234.500.000)
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(27.720.000.000)
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.993.929.583	13.826.042.064
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.993.929.583	(14.128.457.936)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		126.990.546.414	-
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(130.197.346.414)	(25.580.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.206.800.000)	(25.580.000.000)
50	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		5.857.901.680	(50.874.037.713)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	2.060.359.134	52.934.396.847
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	7.918.260.814	2.060.359.134

Đoàn Thị Ngọc Thu
Người lập biểu

Hoàng Hữu Điền
Kế toán trưởng



Đinh Xuân Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne) là doanh nghiệp được tách ra từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101177237 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 21 tháng 5 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 5 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất là 284.904.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi bốn tỷ, chín trăm linh bốn triệu đồng), tương đương 28.490.400 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2023 là 284.904.000.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại sàn giao dịch HOSE với mã chứng khoán TTE.

Trụ sở chính của Công ty tại: 507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất điện.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Thủy lợi);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Khai thác cát, đá và sỏi, đất sét;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước và viễn thông).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty là 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 42 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 43 người).

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty gồm trụ sở chính tại 507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, 01 công ty con, 02 đơn vị trực thuộc và 03 công ty liên kết như sau:

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum,
tỉnh Kon Tum**Báo cáo tài chính riêng**
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Tên công ty, đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu
Công ty con			
Công ty TNHH Trung Việt	507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	Sản xuất điện	98%
Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng	Thôn 16 xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất điện	31,18%
Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi	Số nhà 48, tổ dân phố 6, phường Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Sản xuất điện	38,40%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen	Số 54 Nguyễn Bình Khiêm, phường 8, Thành phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên	Sản xuất điện	43%
Đơn vị trực thuộc			
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Quảng Nam	Thôn 2 xã Trà Giác, Huyện Bắc Trà My, Tỉnh Quảng Nam	Sản xuất điện	
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Đà Nẵng	Tầng 4 tòa nhà Ricco, 363 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng		

Thông tin về công ty con, các công ty liên kết của Công ty xem tại Thuyết minh số 08.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: Các thông tin và số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đảm bảo khả năng so sánh được khi tính toán và trình bày nhất quán.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng

chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết Công ty hoạt động liên tục.

Những người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc Báo cáo tài chính kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Công ty.

2.4. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

2.7. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	<u>Mức khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

2.9. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay, Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng kế ước vay.

2.12. Vay và nợ thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

2.13. Trái phiếu phát hành

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm mệnh giá của trái phiếu. Sau ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng bằng cách ghi tang giá trị mệnh giá trái phiếu và ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán phản ánh số vốn thực góp của các cổ đông tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các cổ đông dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

2.15. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính của Công ty bao gồm lãi tiền vay. Tiền lãi được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ (ngoại trừ chi phí đi vay đã được vốn hóa).

2.18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

2.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	67.156.540	190.887.957
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.851.104.274	1.869.471.177
Cộng	7.918.260.814	2.060.359.134

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	9.978.392.054	-	19.369.072.618	-
Cộng	9.978.392.054	-	19.369.072.618	-

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Năng lượng tái tạo	-	-	116.864.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng 78	535.260.000	-	535.260.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật TDMN	-	-	181.028.000	-
Đài khí tượng Thủy văn tỉnh Kon Tum	306.305.500	-	-	-
Đối tượng khác	75.284.939	-	65.000.000	-
Cộng	916.850.439	-	898.152.000	-

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bà Bùi Thị Thanh Huyền (*)	4.000.000.000	-
Cộng	4.000.000.000	-

(*) Theo hợp đồng mượn tiền số 29.12/HĐMT/2023/TTE-TH ngày 29/12/2023, Công ty cho bà Bùi Thị Thanh Huyền mượn tổng số tiền là 8 tỷ đồng, thời hạn cho mượn tiền là 6 tháng và không có lãi suất. Đến thời điểm 31/12/2023, Công ty đã chuyển cho bà Bùi Thị Thanh Huyền mượn số tiền là 4 tỷ đồng.

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khác ngắn hạn				
Tạm ứng	500.606.516	-	1.088.185.926	-
Tiền lãi dự thu từ hợp tác đầu tư	34.631.889.041	-	16.360.010.959	-
<i>Công ty Cổ phần Sam Holdings</i>	-	-	3.958.421.918	-
<i>Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia (1)</i>	25.484.898.630	-	10.836.098.630	-
<i>Ông Trần Văn Hải (2)</i>	9.146.990.411	-	1.565.490.411	-
Phải thu đối tượng khác	183.110.000.000	-	-	-
<i>Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia (1)</i>	183.110.000.000	-	-	-
Cộng	218.242.495.557	-	17.448.196.885	-
<i>Trong đó, Phải thu khác ngắn hạn là bên liên quan:</i>				
Ông Trần Văn Hải	9.146.990.411	-	1.565.490.411	-

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khác dài hạn				
Ký cược, ký quỹ (thuê nhà)	53.747.965	-	53.747.965	-
Phải thu khác	-	-	325.852.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Sam Holdings</i>	-	-	66.890.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia (1)</i>	-	-	183.110.000.000	-
<i>Ông Trần Văn Hải (2)</i>	-	-	75.852.000.000	-
Cộng	53.747.965	-	325.905.747.965	-
<i>Trong đó, Phải thu khác dài hạn là bên liên quan:</i>				
Ông Trần Văn Hải	-	-	75.852.000.000	-

(1) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 03/2022/HĐHTĐT/PHG-TTE ngày 06/04/2022 giữa Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh về việc hợp tác triển khai dự án Khu dân cư tại xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, số tiền hợp tác đầu tư là 183.110.000.000 VND, thời hạn hợp tác là 24 tháng, tỷ lệ phân chia lợi nhuận không thấp hơn 8%/năm dựa trên số vốn góp thực tế. Theo thỏa thuận số 12.04/2022/BBTT/PHG-TTE ngày 10/04/2022, xác định tỷ lệ phân chia lợi nhuận là 8%/năm dựa trên số vốn góp thực tế. Đến thời điểm phát hành

báo cáo này, Công ty và Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia đã có phụ lục gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng đến 06/04/2026, do dự án Khu dân cư tại xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai được gia hạn chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

- (2) Theo thỏa thuận nguyên tắc về việc chuyển nhượng cổ phần chưa niêm yết số 03/2021/TTCN-DD ngày 04/12/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh và ông Trần Văn Hải, theo đó ông Trần Văn Hải đồng ý chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty Cổ phần Thủy điện Đá Đen là 3.870.000 cổ phần (tương đương 43% vốn điều lệ) với giá chuyển nhượng là 20.000 đồng/cổ phần; Công ty đã chuyển tiền đặt cọc trước là 75.852.000.000 VND cho ông Trần Văn Hải. Đến ngày 31/12/2023, thủ tục chuyển nhượng chưa được hoàn thành, do đó, hai bên xác định phát sinh số lãi trong kỳ này là 9.481.500.000 VND. Số tiền lãi còn phải thu ông Trần Văn Hải tính đến ngày 31/12/2023 là 9.146.990.411 VND.

8. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2023	369.996.813.760	99.522.827.269	3.685.550.375	1.212.180.714	474.417.372.118
31/12/2023	369.996.813.760	99.522.827.269	3.685.550.375	1.212.180.714	474.417.372.118
HAO MÓN LŨY KẾ					
01/01/2023	151.728.915.758	60.101.153.277	2.902.007.973	244.480.709	214.976.557.717
Khấu hao	12.055.835.808	4.580.068.536	257.790.672	145.742.952	17.039.437.968
31/12/2023	163.784.751.566	64.681.221.813	3.159.798.645	390.223.661	232.015.995.685
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2023	218.267.898.002	39.421.673.992	783.542.402	967.700.005	259.440.814.401
31/12/2023	206.212.062.194	34.841.605.456	525.751.730	821.957.053	242.401.376.433

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 1.971.021.030 VND (tại ngày 31/12/2022 là 148.900.000 VND).

Tài sản cố định của Công ty thế chấp cho khoản vay ngân hàng có nguyên giá là 468.660.950.120 VND (giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023 là 240.748.411.814 VND).

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2023:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
<i>Công ty con</i>					
Công ty TNHH Trung Việt	507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Sản xuất điện	98%	98%	98%
<i>Công ty liên kết</i>					
Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng	Thôn 16 xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất điện	31,18%	31,18%	31,18%
Công ty Cổ phần Thủy điện Huồi Vang - Thành Bưởi	Số nhà 48, tổ dân phố 6, phường Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Sản xuất điện	38,40%	38,40%	38,40%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen	Số 54 Nguyễn Bình Khiêm, phường 8, Thành phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên	Sản xuất điện	43,00%	43,00%	43,00%
			01/01/2023		
			Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
			VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con					
Công ty TNHH Trung Việt (1)			234.220.000.000	-	-
			234.220.000.000	-	-
Đầu tư vào Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng (2)			85.800.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Huồi Vang - Thành Bưởi (3)			52.800.000.000	(7.984.792.914)	(12.771.895.877)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen (4)			77.400.000.000	(27.730.969.203)	(4.323.675.315)
Cộng			450.220.000.000	(37.611.515.930)	(12.771.895.877)

- (1) Công ty TNHH Trung Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100221010 với số vốn điều lệ là 239 tỷ đồng. Công ty đang hoạt động bình thường.
- (2) Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800698745 với số vốn điều lệ là 172 tỷ đồng, đang vận hành nhà máy thủy điện Đại Bình ở xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Công ty đang hoạt động bình thường.
- (3) Công ty Cổ phần Thủy điện Huồi Vang – Thành Bưởi hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5600201638 với số vốn điều lệ là 125 tỷ đồng, đang vận hành nhà máy thủy điện Huồi Vang ở xã Mường Mơn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Công ty đang hoạt động bình thường.
- (4) Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2023/HĐCN-ĐĐ-TTE ngày 28/06/2023 giữa Công ty và ông Trần Văn Hải, Công ty nhận chuyển nhượng 3.870.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen với giá chuyển nhượng 20.000 đồng/cổ phần, có tổng giá trị chuyển nhượng là 77,4 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4400998975 với số vốn điều lệ là 90 tỷ đồng, đang vận hành nhà máy thủy điện ở xã Hòa Mỹ Tây, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Công ty đang hoạt động bình thường.

(*) Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2023 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Ngắn hạn

Chi phí bảo hiểm rủi ro nhà máy

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí trả trước ngắn hạn khác

Cộng

Dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Chi phí sửa chữa nhà máy

Cộng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
	66.924.634	90.458.664
	91.536.366	61.690.910
	10.000.000	-
	168.461.000	152.149.574
	297.209.540	223.445.672
	2.491.361.882	3.697.371.133
	2.788.571.422	3.920.816.805

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Báo cáo tài chính riêng
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Tấn Phát	-	-	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ SPE Việt Nam	-	-	195.353.284	195.353.284
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia Việt Nam	2.598.400.000	2.598.400.000	2.598.400.000	2.598.400.000
Đối tượng khác	18.055.781	18.055.781	42.605.514	42.605.514
Cộng	2.616.455.781	2.616.455.781	3.036.358.798	3.036.358.798

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023		31/12/2023	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số đã nộp trong năm VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.620.737.905	6.242.631.345	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	363.474.303	(292.065.238)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.193.070.418	216.006.205	-
Thuế tài nguyên	-	1.314.475.878	5.822.107.126	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.603.597.990	2.833.997.316	-
Cộng	-	7.095.356.494	14.822.676.754	-
				5.346.571.677

(*) Công ty điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2022 theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 do Công ty tự tính toán số thuế phải nộp.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum,
tỉnh Kon Tum**Báo cáo tài chính riêng**
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	6.191.674.335	12.059.473.532
Chi phí phát hành trái phiếu	2.599.000.000	2.599.000.000
Cộng	8.790.674.335	14.658.473.532

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	17.923.205.479	7.397.260.274
Phải trả tiền lãi hợp tác đầu tư	16.325.205.479	7.397.260.274
<i>Ông Bùi Xuân Huy (1)</i>	<i>16.325.205.479</i>	<i>7.397.260.274</i>
Phải trả khác	1.598.000.000	-
<i>Ông Trần Văn Hải (2)</i>	<i>1.548.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả đối tượng khác</i>	<i>50.000.000</i>	<i>-</i>
Dài hạn	176.100.000.000	250.000.000.000
Ông Bùi Xuân Huy (1)	176.100.000.000	250.000.000.000
Cộng	194.023.205.479	257.397.260.274

- (1) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2022/HĐHT/BXH-TTE ngày 06/04/2022 giữa ông Bùi Xuân Huy và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh, thực hiện đầu tư phát triển dự án mới hoặc hợp tác với các đối tác để phát triển dự án có hiệu quả kinh tế nhằm mục đích sinh lợi, tổng giá trị đầu tư là 250 tỷ đồng. Theo thỏa thuận số 06.04/2022, xác định mức lãi suất cố định là 4%/năm dựa theo vốn góp thực tế, thời hạn thanh toán 6 tháng kể từ ngày ký xác nhận công nợ. Trong năm, ông Bùi Xuân Huy đã rút một phần vốn hợp tác đầu tư theo Biên bản thỏa thuận số 01/BBTT/BXH-TTE ngày 20/06/2023 và Biên bản thỏa thuận số 17/BBTT/BXH-TTE ngày 08/12/2023.
- (2) Đây là số tiền phải trả về 2% của tổng giá trị nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen từ ông Trần Văn Hải theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2023/HĐCN-ĐĐ-TTE ngày 28/06/2023. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã trả số tiền này cho ông Trần Văn Hải.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Báo cáo tài chính riêng
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2023		Phát sinh trong năm		31/12/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Nợ dài hạn đến hạn trả	35.420.000.000	35.420.000.000	69.190.546.414	37.197.346.414	67.413.200.000	67.413.200.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Kontum (1)	6.220.000.000	6.220.000.000	9.400.000.000	5.220.000.000	10.400.000.000	10.400.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Đà Nẵng	29.200.000.000	29.200.000.000	2.777.346.414	31.977.346.414	-	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Gia Định (2)	-	-	25.800.000.000	-	25.800.000.000	25.800.000.000
Bà Đoàn Thị Ngọc Thu (4)	-	-	31.213.200.000	-	31.213.200.000	31.213.200.000
Vay dài hạn	376.527.767.676	376.527.767.676	87.665.800.004	120.600.000.000	343.593.567.680	343.593.567.680
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Kontum (1)	45.300.000.000	45.300.000.000	-	9.400.000.000	35.900.000.000	35.900.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Đà Nẵng	85.400.000.000	85.400.000.000	-	85.400.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Gia Định (2)	-	-	85.400.000.000	25.800.000.000	59.600.000.000	59.600.000.000
Trái phiếu phát hành (3)	245.827.767.676	245.827.767.676	2.265.800.004	-	248.093.567.680	248.093.567.680
Cộng	411.947.767.676	411.947.767.676	156.856.346.418	157.797.346.414	411.006.767.680	411.006.767.680

(1) Khoản vay Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Kontum theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD-TV ngày 28/12/2016, số tiền vay là 74 tỷ đồng, thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay là thanh toán chi phí mua lại toàn bộ Nhà máy thủy điện Tà Vi theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/2016/HĐCN/NV-ĐN ngày 04/11/2016. Lãi suất vay thả nổi, được điều chỉnh tối đa 3 tháng/lần. Tài sản thế chấp của khoản vay là Công trình nhà máy thủy điện Tà Vi. Kỳ hạn trả nợ gốc là 6 tháng/lần.

(2) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Gia Định theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 031-14/HĐTDH/SĐBS-02 ngày 09/06/2023 và Hợp đồng mua, bán nợ số 01/2023/HĐMBN-OCB-ĐN ngày 08/6/2023 chuyển khoản vay từ Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) - Chi nhánh Đà Nẵng (theo hợp đồng tín dụng số 031-14/HĐTDH ngày 31/12/2014) sang Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Gia Định. Giá trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Báo cáo tài chính riêng

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

khoản vay chuyển sang là 93 tỷ đồng. Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 31/12/2014). Mục đích vay là tái tài trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện Đăk Ne. Lãi suất vay được điều chỉnh từng lần theo thông báo của ngân hàng. Tài sản đảm bảo của khoản vay là Nhà máy thủy điện Đăk Ne, công suất 8,1MW và Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa Công ty và EVN. Kỳ hạn trả nợ gốc là 1 tháng/lần.

(3) Theo hợp đồng dịch vụ phát hành trái phiếu riêng lẻ số 510/2021/HĐDL/NSI-TTE ngày 05/10/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh và Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia, theo Báo cáo kết quả chào bán trái phiếu riêng lẻ số 27/2021/BC-TTE ngày 18/12/2021:

Mã trái phiếu: TTEH2124001 (mã giao dịch: TTE12101), số lượng trái phiếu chào bán: 2.500 trái phiếu, số lượng trái phiếu phát hành thành công là 2.499 trái phiếu; mệnh giá trái phiếu là 100.000.000 đồng/trái phiếu; kỳ hạn trái phiếu là 36 tháng kể từ ngày phát hành (ngày 19/10/2021) đến ngày đáo hạn (ngày 19/10/2024) với lãi suất danh nghĩa, lãi suất thực tế phát hành là 11%/năm, kỳ hạn trả lãi là 6 tháng; hình thức phát hành trái phiếu là chào bán riêng lẻ, phương thức phát hành là đại lý phát hành; loại chứng khoán là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và bao đảm bằng tài sản; tổ chức tư vấn, đại lý phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia.

Tài sản đảm bảo là 15 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt có giá trị là 442,5 tỷ đồng (theo chứng thư định giá số 58.2/2021/CTTĐG-CPAHN do Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội phát hành ngày 05/10/2021). Đại lý quản lý tài sản đảm bảo là Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Đà Nẵng.

Mục đích phát hành trái phiếu là:

- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 38,4% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Thủy điện Huồi Vang Thành Bưởi với tổng giá trị là 52.800.000.000 VND.
- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 43% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đà Đen với tổng giá trị là 77.400.000.000 VND.
- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 31,18% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng với tổng giá trị là 85.800.000.000 VND.
- Thực hiện đầu tư vào Công ty TNHH Trung Việt với số tiền là 25.500.000.000 VND và tái cơ cấu khoản vay số tiền là 8.500.000.000 VND.

(4) Theo các hợp đồng mượn tiền giữa bà Đoàn Thị Ngọc Thu và Công ty để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Hợp đồng số 01/HĐMT/TTE-NT ngày 20/05/2023 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 19/11/2023 với số tiền là 13.350.000.000 VND, thời hạn mượn tiền là 9 tháng và không có lãi suất.
- Hợp đồng mượn tiền số 02/HĐMT/TTE-NT ngày 05/07/2023 với số tiền là 7.500.000.000 VND, thời hạn mượn tiền là 6 tháng và không có lãi suất;
- Hợp đồng mượn tiền số 03/HĐMT/TTE-NT ngày 12/10/2023 với số tiền là 13.800.000.000 VND, thời hạn mượn tiền là 12 tháng và không có lãi suất.

Đến thời điểm 31/12/2023, bà Đoàn Thị Ngọc Thu đã chuyển cho Công ty mượn tổng số tiền là 31.123.200.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Báo cáo tài chính riêng
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trong vòng 01 năm	67.413.200.000	35.420.000.000
Từ năm thứ 02 đến năm thứ 05	343.593.567.680	376.527.767.676
Cộng	411.006.767.680	411.947.767.676

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2022	284.904.000.000	-	9.161.045.751	294.065.045.751
Lãi trong năm	-	-	643.745.721	643.745.721
Số dư tại 31/12/2022	284.904.000.000	-	9.804.791.472	294.708.791.472
Số dư tại 01/01/2023	284.904.000.000	-	9.804.791.472	294.708.791.472
Lỗ trong năm	-	-	(18.215.001.448)	(18.215.001.448)
Chia các quỹ (1)	-	32.187.286	(64.374.572)	(32.187.286)
Tặng khác (2)	-	-	292.065.238	292.065.238
Số dư tại 31/12/2023	284.904.000.000	32.187.286	(8.182.519.310)	276.753.667.976

(1) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 18/2023/NQ-TTE ngày 06/04/2023, Công ty quyết định trích 5% quỹ khen thưởng, phúc lợi và 5% quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế năm 2022.

(2) Khoản điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2022 theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 do Công ty tự tính toán số thuế phải nộp.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum,
tỉnh Kon Tum**Báo cáo tài chính riêng**
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**Cổ phiếu**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.490.400	28.490.400
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.490.400	28.490.400
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.490.400	28.490.400
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

Lãi cơ bản trên cổ phiếu/Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu/lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Doanh thu bán điện		
- <i>Nhà máy thủy điện Đăk Ne</i>	50.163.496.026	51.966.126.790
- <i>Nhà máy thủy điện Tà Vi</i>	14.139.720.337	15.851.578.807
Cộng	64.303.216.363	67.817.705.597

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Giá vốn bán điện		
- <i>Nhà máy thủy điện Đăk Ne</i>	17.915.206.006	17.050.755.472
- <i>Nhà máy thủy điện Tà Vi</i>	6.373.719.370	6.104.653.856
Cộng	24.288.925.376	23.155.409.328

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	19.295.030	26.042.064
Lãi từ hợp tác kinh doanh	17.765.012.635	14.794.520.548
Lãi phải thu ông Trần Văn Hải	9.481.500.000	15.365.490.411
Cộng	27.265.807.665	30.186.053.023

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	44.933.870.077	46.862.015.761
Chi phí phát hành trái phiếu	2.265.800.004	2.265.800.004
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	24.839.620.053	12.771.895.877
Lãi phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	8.927.945.205	7.397.260.274
Cộng	80.967.235.339	69.296.971.916

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.560.550.322	2.513.765.574
Chi phí đồ dùng văn phòng	26.438.717	24.848.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	78.554.940
Các khoản thuế, phí và lệ phí	22.282.477	21.035.569
Chi phí bằng tiền khác	1.964.111.346	1.942.858.560
Cộng	4.573.382.862	4.581.063.043

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản phạt	154.489.899	46.572.995
Chi phí khác	-	684.651
Cộng	154.489.899	47.257.646

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(18.215.001.448)	929.381.980
Điều chỉnh các khoản tăng lợi nhuận	610.489.899	498.799.313
<i>Các khoản chênh lệch vĩnh viễn</i>	<i>610.489.899</i>	<i>498.799.313</i>
Chi phí không được trừ	154.489.899	47.257.646
Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	456.000.000	451.541.667
Lợi nhuận sau điều chỉnh	(17.604.511.549)	1.428.181.293
Thu nhập theo thuế suất thông thường (20%)	(5.611.779.923)	1.428.181.293
Thu nhập được ưu đãi thuế (*)	(11.992.731.626)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	285.636.259

(*) Công ty được ưu đãi về thuế TNDN đối với dự án nhà máy thủy điện Đăk Ne theo Giấy chứng nhận đầu tư số 38121000013 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 29/04/2008, thay đổi lần thứ 3 ngày 25/06/2019. Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ. Công ty đang áp dụng mức thuế suất cho nhà máy thủy điện Đăk Ne là 10%.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum,
tỉnh Kon Tum**Báo cáo tài chính riêng**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	6.502.329.527	5.118.970.559
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	112.868.717	24.848.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.039.437.968	17.164.896.706
Thuế và các khoản lệ phí	22.282.477	21.035.569
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.092.022.371	1.942.858.560
Chi phí khác bằng tiền	3.093.367.178	3.463.862.577
Cộng	28.862.308.238	27.736.472.371

25. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan của Công ty tại ngày 31/12/2023 gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Trung Việt	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen	Công ty liên kết
Các thành viên trong Hội đồng quản trị	
Thành viên trong Ban Tổng Giám đốc	

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tạm ứng		
Ông Hoàng Hữu Điền	56.483.336	860.983.336
Phải thu khác		
Ông Trần Văn Hải	9.146.990.411	77.417.490.411
Cộng	9.203.473.747	78.278.473.747

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Ông Hoàng Hữu Điền		
<i>Chi tiền tạm ứng</i>	5.700.000.000	1.435.050.000
<i>Hoàn ứng</i>	6.504.500.000	1.435.050.000
Ông Trần Văn Hải		
<i>Đặt cọc chuyển nhượng cổ phần</i>	-	13.932.000.000
<i>Lãi phải thu</i>	4.701.784.932	15.365.490.411
<i>Thu tiền lãi</i>	1.900.000.000	13.180.000.000



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum,
tỉnh Kon Tum

Báo cáo tài chính riêng
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty không có sự kiện nào trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần điều chỉnh vào báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.



Đoàn Thị Ngọc Thu
Người lập biểu



Hoàng Hữu Điền
Kế toán trưởng



Đinh Xuân Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2024

